

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 45/2023/HSST
Ngày: 28 - 06 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Quân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Mai Văn Đảm
2. Bà Nguyễn Thị Hà

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thắm - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hoá.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Ông Vũ Minh Tuệ - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 06 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 48/2023/TLST-HS ngày 31 tháng 5 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2023/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 06 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Văn H**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 20/5/1995, xã TL, huyện T, Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn 5, xã TL, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 06/12; Có bố: Lê Văn Thành, sinh năm: 1965; Có mẹ: Lê Thị Hội, sinh năm: 1964; Tiền sự: Không; Tiền án: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/12/2022 đến ngày 04/01/2023 chuyển tạm giam đến ngày 23/02/2023 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**** Những người tham gia tố tụng:***

**** Bị cáo.***

**** Người bị hại:*** Anh Lê Thế H1, sinh năm: 1992 (Có mặt)

Địa chỉ: Khu phố 5, thị trấn K, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

**** Người bào chữa:*** Ông Phạm Thanh Tùng – Trợ giúp viên pháp lý, Chi nhánh trợ giúp pháp lý số 05 thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Thanh Hoá. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ 30 phút ngày 22/12/2022, Lê Văn H sinh năm 1995, trú tại thôn 5, xã TL, huyện T, tỉnh Thanh Hóa đi xe mô tô một mình đến Khách sạn K thuộc khu phố 5, thị trấn K, huyện T để thuê phòng nghỉ lại qua đêm. Khi đến thì Khách sạn K đang mở cửa, bật đèn sáng nên H để xe trước cửa Khách sạn rồi đi bộ vào bên trong, khi H đi vào quầy lễ tân của Khách sạn, H có gọi lễ tân nhiều tiếng nhưng không thấy ai trả lời nên lúc này H nảy sinh ý định tìm tài sản có giá trị để lấy trộm. Lúc này người quản lý trông coi Khách sạn là anh Lê Thế H1 sinh năm 1992, trú tại khu phố 1, thị trấn K, huyện T đang nằm ngủ tại phòng lễ tân, ngay cạnh phía bên trái chân cầu thang đi lên tầng 2 của Khách sạn. H đi đến quầy lễ tân tìm tài sản có giá trị để lấy nhưng không phát hiện được tài sản gì nên H tiếp tục đi vào phòng ngủ của anh H1, lúc này H thấy anh H1 đang nằm ngủ, tại vị trí kệ tủ gỗ đầu giường đang để một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy Note 10 Plus nên H đã lấy chiếc điện thoại trên bỏ vào túi quần và tiếp tục đi ra ngoài khu vực quầy lễ tân để tìm tài sản nhưng do không tìm thấy tài sản nào khác có giá trị để lấy nên H đi ra vị trí để xe mô tô và điều khiển xe về nhà ở thôn 5, xã TL, huyện T. H đã giữ lại chiếc điện thoại trên để sử dụng cho bản thân.

Sau khi phát hiện tài sản của mình bị kẻ gian trộm cắp anh Lê Thế H1 đã báo cáo đến cơ quan chức năng. Đến ngày 26/12/2022 nhận thấy hành vi của mình là sai, vi phạm pháp luật và không thể trốn tránh nên H đã đến Cơ quan điều tra Công an huyện T đầu thú và giao nộp lại chiếc điện thoại đã trộm cắp trên đồng thời khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản của mình.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 37/KL-HĐĐGTS ngày 29/12/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T kết luận: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy Note 10 Plus, nhiều màu sắc, mặt trước màu đen, đã qua sử dụng mua năm 2019, tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị là 7.000.000 đồng.

Trong quá trình điều tra Cơ quan điều tra Công an huyện T cũng đã ra Quyết định trưng cầu giám định về việc Trưng cầu Viện Pháp y tâm thần Trung ương tiến hành giám định sức khỏe tâm thần đối với Lê Văn H. Tại bản kết luận giám định số 87/KLGD ngày 12/04/2023 của Viện pháp y tâm thần Trung ương, kết luận: Trước trong khi thực hiện hành vi phạm tội và tại thời điểm giám định Lê Văn H có bệnh Chậm phát triển tâm thần nhẹ. Theo phân loại bệnh Quốc tế lần thứ 10 năm 1992, bệnh có mã số F70. Tại các thời điểm trên, Lê Văn H bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

Cơ quan điều tra Công an huyện T cũng đã tiến hành Trưng cầu giám định kỹ thuật số điện tử, để xác định những video đã thu giữ có bị chỉnh sửa, cắt ghép hay không. Tại bản kết luận giám định số 1751/KL-KTHS ngày 11/05/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa, kết luận: Không phát hiện dấu hiệu chỉnh sửa, cắt ghép nội dung hình ảnh trong hai tệp video của một USB gửi giám định.

Xét thấy lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai, lời trình bày của người bị hại về thời gian xảy ra vụ việc, đặc điểm, tình trạng đồ vật bị trộm cắp, phù hợp với hiện trường vụ án, Kết luận định giá tài sản và các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập được trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ căn cứ xác định Lê Văn H đã lén lút, bí mật chiếm đoạt chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy Note 10 Plus, nhiều màu

sắc, mặt trước màu đen, đã qua sử dụng mua năm 2019, có trị giá 7.000.000 đồng của anh Lê Thế H1.

Xác minh về nhân thân, tài sản, thu nhập của bị cáo xác định H hiện không có công ăn việc làm, không có tài sản chung, tài sản riêng gì và đang sống chung với gia đình.

Về vật chứng vụ án: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy Note 10 Plus, nhiều màu sắc, mặt trước màu đen, đã qua sử dụng mua năm 2019. Chiếc điện thoại di động trên là tài sản hợp pháp của anh Lê Thế H1, xét thấy sau khi tiến hành định giá xong, không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Cơ quan điều tra đã trả lại tài sản nêu trên cho anh H1 là phù hợp.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Lê Thế H1 đã nhận lại chiếc điện thoại di động nêu trên, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm và có đơn đề nghị giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Tại bản cáo trạng số 54/CT-VKSTT, ngày 30/05/2023, Viện Kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hoá đã truy tố Lê Văn H về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ Luật hình sự (Sau đây được viết tắt là BLHS).

* Phân tranh tụng tại phiên tòa:

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s, q khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 BLHS để xử phạt bị cáo Lê Văn H từ 10 (mười) đến 15 (mười lăm) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 20 (hai mươi) đến 30 (ba mươi) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho UBND xã TL, huyện T, tỉnh Thanh Hóa giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại là anh Lê Thế H1 đã nhận lại chiếc điện thoại di động nêu trên, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm và có đơn đề nghị giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo nên đề nghị không xem xét.

Về vật chứng: Quá trình điều tra người bị hại là anh Lê Thế H1 đã nhận lại tài sản bị mất nên đề nghị không xem xét.

Về hình phạt bổ sung: Xác minh thu nhập bị cáo không có tài sản gì giá trị nên đề nghị không phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

Ý kiến trình bày của người bào chữa: Thống nhất với tội danh và khung hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo. Tuy nhiên, bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; có nhiều tình tiết giảm nhẹ là “Khắc phục hậu quả”, “phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”, “thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”, “người phạm tội là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi”, “đầu thú” và “được người bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự” quy định tại các điểm b, i, s, q khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo là người có trình độ học vấn thấp, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội bị cáo đã nhận thức được hành vi sai trái của mình, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có nhân thân tốt nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b, i, s, q khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 BLHS để xem xét cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo cải tạo tại địa phương. Về

án phí: Bị cáo là người khuyết tật, có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi, không có tài sản, thu nhập nên đề nghị HĐXX căn cứ điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 miễn án phí cho bị cáo.

Tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến bổ sung với người bào chữa, thành khẩn nhận tội và không có ý kiến tranh luận với đại diện VKS, bị cáo đã nhận thức được hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo cải tạo tại địa phương.

Tại phiên tòa người bị hại thống nhất với lời khai của bị cáo và Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố. Phần bồi thường thiệt hại người bị hại không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm. Phần hình phạt người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phần tranh luận tại phiên tòa bị cáo, người bị hại không có ý kiến tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát. Trong lời nói sau cùng, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như bản cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo cải tạo tại địa phương

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại, người bào chữa không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi của bản thân như đã nêu trên. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời trình bày của người bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Xuất phát từ động cơ vụ lợi nên vào khoảng 23 giờ 30 phút ngày 22/12/2022, lợi dụng thời điểm anh Lê Thế H1 đang ngủ tại Khách sạn K thuộc khu phố 5, thị trấn K, huyện T, Lê Văn H đã lén lút trộm cắp của anh H1 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy Note 10 Plus, nhiều màu sắc, mặt trước màu đen, đã qua sử dụng mua năm 2019 có trị giá 7.000.000 đồng. Vì vậy HĐXX có đủ cơ sở kết luận bị cáo Lê Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, hành vi phạm tội: Đây là vụ án trộm cắp tài sản có tính chất ít nghiêm trọng do bị cáo thực hiện. Tuy nhiên hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây tâm lý hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân, làm mất trật tự trị an, xã hội trên địa bàn nên cần phải xử lý nghiêm.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo có 06 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là “Khắc phục hậu quả”, “phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”, “thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”, “người phạm tội là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi”, “đầu thú” và “được người bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự” quy định tại các điểm b, i, s, q khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi, lần đầu phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 1, 2 Điều 51 BLHS. Vì vậy, HĐXX xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà để bị cáo cải tạo tại địa phương cũng đủ sức răn đe giáo dục bị cáo thành công dân có ích.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án bị cáo đã bồi thường cho bị hại, người bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm và có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

[6] Về hình phạt tiền bổ sung: Qua xác minh bị cáo không có tài sản, thu nhập, nên không áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về vật chứng: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy Note 10 Plus, nhiều màu sắc, mặt trước màu đen, đã qua sử dụng mua năm 2019, Cơ quan điều tra đã trả lại cho người bị hại anh Lê Thế H1 là phù hợp nên miễn xét.

[8] Về án phí: Bị cáo Lê Văn H bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi là người khuyết tật nên miễn án phí cho bị cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn H phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s, q khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn H 08 (tám) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 16 (mười sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho UBND xã TL, huyện T, tỉnh Thanh Hóa giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án.

Trong thời hạn thử thách của án treo nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Áp dụng: Điều 136 BLTTHS; khoản 1 Điều 6, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Về dân sự: Công nhận phần dân sự giữa bị cáo và người bị hại đã giải quyết xong.

Về án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Lê Văn H.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, người bị hại, người bào chữa cho bị cáo. Bị cáo, người bị hại, người bào chữa cho bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người bào chữa cho bị cáo;
- Bị hại;
- CQĐT CA huyện T;
- CQTHAHS CA huyện T;
- VKSND huyện T;
- VKSND tỉnh Thanh Hoá;
- Chi cục THADS huyện T;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Văn Quân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Mai Văn Đảm

Nguyễn Thị Hà

Lê Văn Quân

